
**XIN LƯU Ý:
ĐÂY CHỈ LÀ BẢN CHÉP NHẬP
CHƯA ĐƯỢC SỬ GIÁC NGUYÊN HIỆU ĐỈNH.
QUÝ PHẬT TỬ TẠM THỜI CÓ THỂ DÙNG LÀM
TÀI LIỆU NGHIÊN CỨU CHO RIÊNG MÌNH.
XIN TRÁNH IN ẤN PHỔ BIẾN.**

Kinh Đê-Thích Sở Vấn 1

<blockquote>Kalama tri ân bạn buithibuukim ghi chép.</blockquote>

[11/02/2022 - 04:02 - buithibuukim]

KINH ĐỀ THÍCH SỞ VẤN 1

(Giảng 23/8/2016)

B21. KINH ĐỀ THÍCH SỞ VẤN – Sakka –panha sutta (1)

Nếu bà con máy tốt thì vừa nghe vừa mở dùm google tìm chữ ‘Kinh Đề Thích vấn đạo’ của trang Bình Anson, phần Chú giải quý vị đọc thêm, coi như cái dàn bài.

(<http://www.budsas.org/uni/u-kinh-truongbo/truong21.htm>)

Còn bây giờ chúng ta đọc Chú giải của Chánh Kinh.

Đức Thế Tôn thành Đạo năm 35 tuổi. Từ lúc Ngài nhận lời giảng trần nhập thai vào bụng bà Maya tức ngược dòng thời gian 35 năm trước thì Đề Thích cũng đã là một vị thiên vương rất già, rất cao tuổi do tuổi thọ trung bình cõi Đạo Lợi là 36 triệu năm nhân loại. Lúc đó Đề Thích đã sống đủ 36 triệu năm rồi, chỉ còn dư một ít thôi. Đề Thích theo dõi quan sát hỗ trợ giúp đỡ Bồ tát từ trong bụng mẹ cho đến lúc Đản sinh, lớn lên, có gia đình rồi đi xuất gia trong đêm Ngài 29 tuổi. Đề Thích chính là người thính tốc Bồ tát cắt bỏ bên bờ sông Anoma lúc Ngài quyết định xuất gia. Bồ tát nắm búi tóc mình cầm thanh gươm cắt và nguyện nếu chuyển đi này Ngài chứng quả thì nắm tóc đừng rơi xuống. Khi Ngài chú nguyện vậy Ngài liệng nắm tóc lên hư không. Lúc đó Đề Thích là người rước búi tóc đem về trời lập tháp thờ trên đó. Sau đó khi Thế Tôn thành Đạo, Đề Thích xuống đánh lễ Ngài.

Trong Chánh Kinh kể lại một lần đó Đức Thế Tôn biết rõ hôm nay Đề Thích sẽ đến, nhưng cơ duyên để chứng Thánh quả hôm nay chưa chín muồi. Và cuộc gặp gỡ đó cũng không giúp được gì cho thiên vương, nên Đức Thế Tôn nhập vào Quả định ‘Phalasamapatti’.

Quả Định là sao? – Một vị Thánh từ Tu đà hườn, Tư đà hàm, A na hàm, A La hán những khi cảm thấy mệt mỏi hoặc cần được an dưỡng không phải bận bịu chuyện gì hết, không nhớ nghĩ chuyện chúng sinh, chuyện độ đời, chuyện thế gian mà muốn nghỉ ngơi một cách tuyệt đối, thì các ngài có 2 cách. Một là các ngài nhập Thiên diệt (nếu vị đó đã từng chứng Phi tướng phi phi tướng, tầng thiên vô sắc cao nhất). Tức là vị này nhập thiên đó rồi ra khỏi thiên đó, rồi chú nguyện là kể từ hôm nay trở đi một ngày, hai ngày, ba ngày, bốn ngày, năm ngày, sáu ngày, bảy ngày tôi sẽ sống trong tình trạng không có tâm thức. Đúng như vậy, sau khi chú nguyện xong thì tâm thức vị đó biến mất hoàn toàn tuyệt đối. Vị đó chỉ còn lại cái xác ấm thôi, cái thân còn thân nhiệt chứ vị đó hoàn toàn không biết gì hết, tâm thức hoàn toàn vắng mặt. Thì đúng sáu ngày, bảy ngày vị đó xuất định. Khi xuất định thì tâm đầu tiên xuất hiện là tâm Tam hoặc Tứ quả. Thì giai đoạn 7 ngày đó gọi là Thiên diệt thọ tướng định, gọi tắt là Diệt định hoặc Thiên diệt. Đó là cách an dưỡng thứ nhất của vị Thánh.

Cách an dưỡng thứ hai, là vị đó xét thấy thời gian mình không có nhiều. Mình cần nghỉ ngơi có nửa tiếng, một tiếng, hai tiếng đồng hồ thôi thì vị đó không nhập Thiền diệt, mà nhập Quả định. Nghĩa là vị đó quan sát hơi thở của mình, quan sát cảm thọ, quan sát tâm của mình nói chung là 4 niệm xứ vị đó chọn một. Quan sát và thấy đây là vô thường, đây là khổ, đây là vô ngã. Trong lúc đó vị đó chỉ mất một, hai loại tâm thô. Sau khi quan sát như vậy thì có loại tâm thánh quả cao nhất mà vị đó chứng, thí dụ vị đó chứng Nhị quả, thì lúc đó một loạt tâm Nhị quả xuất hiện liên tục. Còn nếu vị đó mới Sơ quả như ngài A Nan thì có một loạt tâm Sơ quả xuất hiện liên tục. Liên tục bao lâu thì tùy vị này muốn, tiếng Pali là ‘Paricchindakala’ (là thời hạn mà vị Thánh muốn).

Hôm nay cũng vậy, Thế Tôn muốn nghỉ ngơi. Thay vì nằm im thì không có khỏe bằng để cho một loạt vô số tâm Tứ quả xuất hiện liên tục. Và lúc này Ngài không biết chuyện gì khác ngoài ra cảnh Niết bàn.

(Thay vì chúng tôi giảng từ trên xuống mà chúng tôi bắt ngang trở ngược lên và từ trên đi xuống cuối Kinh. Bà con có đọc Chánh Kinh sẽ thấy). Lúc đó có một tiên nữ tên là Bhunjati đã đắc Nhị quả xuống hầu Phật. Khi thấy Phật nhập thiền như vậy thì vị này chỉ đứng hầu thôi, đợi Ngài xả định. Thì lúc đó Đế Thích cũng tới. Đế Thích thấy Đức Phật nhập định nên ra đi và dặn tiên nữ Bhunjati là khi nào Thế Tôn xả định thì xin thưa lại với Ngài dùm là thiên vương Đế Thích có đến đánh lễ mà thấy Ngài đang nhập thiền. Sau này khi Đế Thích xuống hầu Phật, thì Đế Thích có kể lại câu chuyện đó. Đức Phật có xác nhận rằng: “Hôm đó tiên nữ Bhunjati có nhắn lại với Như Lai là thiên vương Đế Thích có đến gặp Như Lai, và chính tiếng xe của ngài đã làm cho ta xuất định”.

Trong Chú giải nói rõ chỗ này. Đó là vì ngài A Nan Đa kể lại nguyên văn lời Phật thì ngài kể lại như vậy. Nhưng mình phải hiểu rằng một khi người ta đã nhập định người ta không có nghe cái gì hết. Cho nên cách nói của Đức Thế Tôn mình phải hiểu thế này: “Ta xả định ngay khi ngài vừa rời đi”. Mà theo văn phạm Pali thì câu đó cũng có thể hiểu như vậy. Còn nếu dịch kiểu khác là: “Chính vì tiếng xe của ngài mà ta xả định” cũng được nhưng dịch như vậy thì vô tình mình làm mâu thuẫn một vấn đề giáo lý quan trọng. Đó là người nhập định thì làm sao nghe được. Cho nên câu này trong Chú giải đề nghị mình hiểu là: “Ta xả định ngay khi ngài vừa rời đi và để lại những tiếng động”. Tức là ngài đi chưa bao lâu, mới vừa rời đi ta đã xả định. Và lúc đó ta còn kịp nghe âm thanh từ chiếc xe của ngài. Đại khái vậy. Chúng ta cũng cần ghi nhận thêm là xe Đế Thích không phải xe dờm, dờ, như xe mình đi um sùm, mà bởi vì với thiên nhĩ người ta có thể nghe được bất cứ hoạt động, vận động nào cũng để lại âm thanh tối thiểu. Ngay cả khoa học hôm nay cũng nhìn nhận có những tần số âm thanh tai con người không nghe được. Như maximum khả năng tai người có thể chịu được 120 decibel, cho nên mình nghe cỡ 85 – 90 là đã điếc con ráy rồi. Tuy nhiên có những làn sóng âm thanh quá thấp vài ba decibel thì tai người không nhìn nhận được. Như có những trận sóng thần thì những loài thú nghe được âm thanh ba động dao động trong lòng đất, lập tức nó lia bỏ tránh xa bờ biển càng nhiều càng tốt. Chớ không phải như mình. Lúc mình nghe được âm thanh âm âm thì đã muộn rồi. Những hình ảnh màu sắc cũng vậy, có những cái quá vi tế mình không thấy được. Chẳng hạn tia sáng laser hoặc tia hồng ngoại mắt mình thấy không được.

Ở đây điểm sơ cho bà con thấy Đế Thích là một người hộ trì Đức Phật từ khi Ngài ở trong bụng mẹ đến lúc Ngài chào đời. Kinh nói cả bữa cơm của nàng Sujata thì Đế Thích cũng là người xuống giữ lửa cho nồi cơm đó không bị gián đoạn. Tức là theo dõi Bồ tát để giúp đỡ đến mức như vậy đó. Tức là lúc nồi cơm của Sujata được nấu thì Đế Thích là người đứng giông như mình kêu là dứt củi vô lò mà Sujata hoàn toàn không biết.

Hôm nay (lúc giảng Kinh này) Đế Thích nhận ra những dấu hiệu báo tử. Đó là thấy mình mệt mỏi, hào quang lu mờ và có cảm giác như đổ mồ hôi trong người, thần trí không vui vẻ, vòng hoa trang điểm trên người bị héo đi. Đế Thích biết rằng mình sắp từ trần. Trong Kinh nói chỉ có vị A na hàm trở lên mới không sợ chết thôi. Chớ chúng sanh nào trước khi chết cũng có một chút ít nhiều e sợ. Ngay cả vị thánh Tu đà hườn là luôn luôn tin chắc mình không bị đọa, nhưng tình linh đối diện với cái chết cũng có một chút e sợ. Ngoài trừ bậc Lưu tặc “khinasava” (ở đây ám chỉ Tam và Tứ quả). Mình không còn thân kiến, ít ra chuyện đối diện với cái chết cũng là cái sốc lớn, quý vị biết không? Trong Chú giải giải thích ngay cả chúng sanh dưới địa ngục khổ như vậy, muốn chết để mà thoát

nhưng trong giây phút cận tử biết mình sắp chết vẫn sợ. Đó là bản chất tự nhiên của phàm phu mình.

Đế Thích nghĩ đến người mà có thể trấn an định kinh cho mình chỉ có Đức Phật thôi nên Đế Thích mới xuống. Chú giải ghi thêm là Đế Thích rủ thêm người bạn thiên tử thân thiết với mình, đặc biệt là thiên tử Pancasikha cùng xuống hầu Phật. Đế Thích biết rằng Pancasikha có một sự thân quen với Thế Tôn ở mức đặc biệt. Nghĩa là chuyện riêng tư gì Pancasikha cũng thưa với Phật hết. Người ta thì xuống hỏi Đạo, thưa hỏi chuyện gì nghiêm túc, còn Pancasikha thì thương Phật, coi Phật như cha như một người ông rồi chuyện gì cũng tỏ thể thưa hết. Đế Thích biết vậy nên Đế Thích nghĩ người này đi chung với mình sẽ giống như người dẫn đường. Xuống thì Pancasikha vào lễ Phật và hát cúng dường Phật một tình khúc vừa nói về ái dục vừa có tinh thần giải thoát. Chú giải nói thêm là Thế Tôn sau khi ngồi im lắng nghe và Ngài ngỏ lời khen, thì như vậy có phải thế Tôn ưa thích, có hoan hỷ gì trong lời hát đó hay không? – Tuyệt đối không, một mảy may không có. Ngay cả một vị A na hàm mà 7 tuổi còn không thích trong 5 dục, không thèm nghe người ta hát thì nói chi vị A la hán, một vị Chánh Đẳng Chánh Giác, Vô thượng Điều ngự thì làm sao mà thích được chuyện đó.

Sau khi Pancasikha xin phép thì Phật đồng ý cho Đế Thích vào gặp Ngài. Chú giải ghi thêm trong đêm đó hào quang của các vị này đã phủ trùm ngọn núi thế Tôn đang ở, khiến dân làng chung quanh tưởng núi đang bị cháy. Trong Chánh Kinh có chi tiết đức trời Đế Thích thưa với Phật rằng sự ra đời của Thế Tôn đã đem lại cho thiên cung Đạo Lợi và các cảnh giới Dục thiên một sự thịnh vượng đặc biệt. Có nghĩa trước khi Thế Tôn ra đời số người sanh thiên rất ít. Kể từ khi có Tam bảo số người sanh thiên nhờ thiên định, bố thí, giữ giới, phục vụ, cung kính, nhờ nghe Pháp nhiều hơn. Tuy nhiên cạnh đó Đế Thích thưa lại thế Tôn một câu chuyện buồn. Đó là trong dòng Thích Ca có một cô tín nữ. Cô hộ trì một nhóm tỳ kheo bằng cách cúng dường thực phẩm, thuốc men, trú xứ, y áo sau khi cô mất cô về trời. Những vị sư được cô hộ trì lại không tu tập nhiều, công đức cũng không nhiều, nên khi chết rồi thay vì sanh vào cảnh giới của hội chúng Đạo Lợi thì các vị này lại sanh vào cảnh giới của hội chúng Càn thất bà. Hội chúng ở đây mình tạm hiểu như giai cấp. Tức là như cùng sống với nhau trong thành phố Sài Gòn, nhưng trong đó có những người lao động tự do, phu khuân vác, có những người tiểu thương (buôn bán nhỏ, tạp hóa, bán hàng rong), khá hơn là giới trung lưu như công chức nhà nước, làm ông cò ông quận, cảnh sát trưởng. Có những đại gia làm chủ cơ sở kinh doanh lớn, làm tổng giám đốc, chủ tịch tập đoàn v.v...nhiều lớp cùng sống trên đất Sài Gòn, nhưng là những giới khác nhau.

Ở đây cũng vậy. Cùng có mặt trên Đạo Lợi nhưng tầng lớp khác nhau. Những vị tỳ kheo được cô tín nữ này hộ trì thì do thiếu công đức, tu hành chưa rốt ráo, nên khi lên đó ở vào hội chúng của Càn thất bà, suốt đời chỉ làm việc mua vui cho người khác. Đế Thích ngỏ lời tán thán và tri ân sự ra đời của Đức Phật. Bên cạnh đó Đế Thích nói thêm có những người tuy được gặp Phật nhưng không được ân triêm lợi lạc giống như người khác.

Tại sao tôi đặc biệt nhấn mạnh chỗ này, vì có một điều tôi muốn gửi trong room mình. Các vị còn nhớ tôi định nghĩa chữ Tiratana (Tam Bảo) hay không? – Phật – Pháp – Tăng là ba món quý trong đời. Quý là bởi vì muốn trở thành Phật thì khó vô cùng. Xương thịt Phật đem bố thí nhiều như núi. Máu mình đổ ra như biển như sông. Nhiều kiếp vô lượng kiếp như vậy mà bất thối (không thối chuyển). Các vị tưởng tượng trong room hay facebook mà người ta viết một hai cái comment mà mình hiểu ngầm thôi đó chớ không rõ ràng lắm là người ta coi rẻ, xúc xiểm mình, khinh bỉ, châm chọc, khiêu khích mình là mình đã chịu không nổi rồi. Đó là thế giới ảo, vậy mà chư vị Bồ tát muốn thành Phật là phải chịu đựng tất cả những rác rưởi nhân gian, từ sự xúc phạm tay chun cho đến những lời nói, câu viết. Tất cả là phải gánh chịu hết, mà trong vô lượng kiếp như vậy mới trở thành Phật. Cái gì cho được thì cho, cái gì giúp được người khác thì giúp, có dịp học đạo thì học đạo, có dịp tu thiên thì tu thiên. Nói chung là tất cả thiện pháp tu tập được thì lập tức tu tập, không có bỏ qua cơ hội. Mà suốt nhiều kiếp như vậy mới trở thành Phật. Khó dữ lắm. Nên một vị Phật ra đời là của hiếm. Nên Phật được gọi là của báu là vậy.

Một vị Phật có điểm đặc biệt là ai Ngài cũng thương, đức lành nào Ngài cũng có, điều gì Ngài cũng biết. Nên mình gặp rắc rối mà mình gặp Ngài là coi như cái gì cũng xong, Ngài giải quyết cho

mình. Nhiều khi trong muôn hàng tỷ đại kiếp không có vị nào ra đời hết. Thì một con người như vậy làm sao không gọi là của hiếm được!

Thứ hai, Pháp Bảo là những sự thật trong cuộc đời này. Những sự thật đó mãi mãi nằm trong bóng đêm không một ai biết tới, tới khi vị Chánh Đẳng Giác ra đời thì Ngài mới phơi mở cho mọi người biết: ‘Đây là con đường dẫn tới sự sa đọa. Đây là con đường dẫn tới cảnh giới Dục thiên. Đây là con đường dẫn tới Phạm thiên. Đây là con đường dẫn tới sự chấm dứt sanh tử. Đây là con đường dẫn tới quả vị Thinh Văn. Đây là con đường dẫn tới quả vị Độc Giác, và đây là con đường dẫn tới quả vị Chánh Đẳng Chánh Giác’. Những sự thật này vốn dĩ là quy luật thiên thu của trời đất. Nhưng khổ nỗi khi không có vị Chánh Đẳng Giác ra đời thì những chuyện này người ta chỉ biết một ít thôi. Thí dụ chỉ biết bô thí, trì giới, phục vụ là công đức. Hễ là người có công đức thì chết rồi có hy vọng ok hơn người cả đời cùng hung cực ác. Họ chỉ biết đại khái vậy thôi. Các vị học đạo các vị thấy rồi, chỉ riêng phần Tương Ứng là đã có dịp mình tiếp cận biết bao nhiêu vấn đề giáo lý. Chỉ riêng Tương Ứng chớ chưa nói những bộ Kinh khác.

Cho nên, Phật Bảo là đấng Pháp Vương, tự mình giác ngộ, bản thân Ngài là của báu. Còn Pháp Bảo là lời dạy của đấng Pháp Vương đó. Lời dạy đó bao gồm những chân lý, những sự thật mà không phải do các ngài sáng chế ra. Các ngài chỉ là người khơi dậy, khai mở cho mình thấy. Nên những lời dạy đó được gọi là Pháp Bảo.

Tăng Bảo là những điển hình, những gương sống cụ thể của Pháp Bảo. Thí dụ đức Phật ngài dạy: đây là giới, đây là định, đây là tuệ, là Tứ diệu đế, Thất giác chi... Ngài chỉ dạy thôi mình đâu thấy cụ thể. Mình nghe thì hiểu nhưng đâu biết Thất giác chi nằm ở đâu. Lúc bấy giờ mình mới thấy à Tăng Bảo là đây. Tăng Bảo đây không phải là tăng ni. TĂNG BẢO ĐÂY ẮM CHỈ TẤT CẢ THÁNH NHÂN KHÔNG PHÂN BIỆT NHÂN, THIÊN, TĂNG, TỤC (trời, người, người xuất gia, cư sĩ không phân biệt). Nhớ nghe. Mình không học định nghĩa này, rồi mình bắt mẫn một ông sư nào đó rồi mình nói Tăng Bảo gì thấy ghê, thấy ghét, nản, chán là không phải. Hiểu vậy không đúng!

Tăng Bảo mà trong Kinh đức Phật ngài dạy thì mình không có duyên gặp, không có cửa đâu. Nếu hôm nay mà có thì người ta lên núi lên rừng dưới biển ở hết rồi. Hông ai cho mình thấy đâu, thời này nè. Cho nên Tăng Bảo là những vị Thánh, có thể là những vị bần tăng khổ sai, te tua rách nát trên núi. Mà cũng có thể kẻ là những vị Thọ thần trong đền trong miếu mình không biết. Tất cả nhân, thiên, tăng, tục mà chúng từ Sơ quả trở lên được gọi là Tăng Bảo. Bởi vì sao? – Bởi vì họ là cái MÔ HÌNH CỦA PHÁP BẢO (modul). Tăng Bảo chỉ có trong thời Phật.

Như vậy trong Chú giải đã giải thích tại sao gọi là Tam bảo.

- Phật Bảo là người thành tựu tất cả thiện pháp và có thể giúp cho người khác được như mình.
- Pháp Bảo là lời dạy của con người đó.
- Tăng Bảo là những người hành trì theo con người đó.

Tất cả đều là của hiếm hết nên gọi là Bảo. CHỈ CÓ NGƯỜI ĐẠI PHƯỚC MỚI GẶP TIN, HIẾU VÀ HÀNH ĐƯỢC LỜI PHẬT. Nhờ vậy có được những công đức mà người không phải Phật tử không thể có được. Lý do tại sao được gọi là Bảo là như vậy đó. BẢO có nghĩa là PHẬT lợi ích như thế nào, hiếm hoi như thế nào. PHÁP lợi ích như thế nào, hiếm hoi như thế nào, TĂNG là lợi ích như thế nào, hiếm hoi như thế nào mới gọi là ‘bảo’. Đặc biệt, điều thứ tư: phải là người đại phước mới gặp được Tam bảo, tin được Tam bảo. Gặp cái gì? – Gặp trong điều kiện thích hợp, bửa hôm mình đã học rồi:

Gặp được Tam bảo ở đây là không vướng phải những chướng duyên trong thời kỳ còn Phật Pháp. Có 8 chướng duyên, Pali là ‘abhabbathana’. Nghĩa là khi Đức Phật ra đời hoặc khi giáo pháp của Ngài còn, mình lại là người tà kiến sâu nặng, thứ tà kiến bất tri; hoặc khi Tam Bảo còn ở đời mà mình lại là đui mù câm điếc, khùng điên mất trí; khi Tam bảo còn ở đời mà mình lại sanh ra trong những vùng biên địa, ở những xứ sở xa xôi, không có điều kiện tiếp cận với văn minh của loài người.

Chẳng hạn có một địa danh rất nổi tiếng đó là đảo Paque, Mỹ gọi đảo Easter. Nó nằm một mình giữa biển khơi, cách Chile 3.000 km là chỗ nó gần thế giới nhất. Mà 3.000 đó lại là 3.000 trên biển mới ghê! Thí dụ mình sanh ở VN mà ở vùng sâu vùng xa như đảo Lý Sơn Quảng Ngãi, đảo Hòn Khoai, Hòn Nghệ hoặc Hòn Tre, Hòn Rái. Hoặc không cần ra ngoài khơi, ở trong nội địa mà vùng

như Năm Căn, U Minh là coi như cả đời không biết gì hết. Bây giờ thì khá, còn có tivi, internet, chớ cách đây cả trăm năm về trước mà nghe tới U Minh là thấy ‘lạnh’ rồi! Nếu thời kỳ của Chánh Pháp mà mình lại ở những nơi chón vùng sâu vùng xa như vậy thì coi như cũng là một chướng duyên lớn.

Cho nên chữ ‘gặp’ đây có nghĩa là mình ở cái chỗ mà mình có thể tiếp cận được tăng ni, Kinh sách, Phật tử và trong điều kiện tâm sinh lý hoàn hảo (không khủng điên, đui mù, câm điếc ...), không ở trong xứ binh đao khói lửa, chiến tranh, can qua, mạng người mong manh thì làm sao học Đạo? Cho nên phải hội đủ những điều kiện này mình mới học Đạo được.

Học bằng kiểu gì? – Học bằng niềm tin chánh tín, tức là đức tin đi với trí tuệ. Tin bằng chánh tín, hiểu bằng chánh kiến, chánh trí. Chỉ có người đại phước mới gặp được Tam bảo kiểu này. Tuy nhiên, gặp rồi nhưng tùy vào ba la mật mỗi người mà ta nhận được gì từ Tam Bảo. Tôi thí dụ như trong room này có người nghe sao thấy nhưc đầu quá, như những bữa giảng có động chạm A Tỳ Đàm nhưc đầu quá bỏ chạy. Hoặc có những người tôi để ý thấy nghe thuyết Pháp họ chỉ thích nghe kể chuyện vui, chuyện ma. Có người đặc biệt lưu ý mấy câu danh ngôn. Rồi có người đặc biệt lưu ý mấy chi pháp. Có người lưu ý mấy chuyện cổ tích liên hệ cuộc đời Đức Phật, v.v...Bây giờ còn có nhiều người quan tâm những bài tôi giảng liên quan thiền quán Vipassana.

Nghĩa là tùy vào căn duyên, tùy vào khuynh hướng tâm lý, tùy vào phước báo ba la mật mà chúng ta đến với Đạo theo cách tiếp cận nào, cái nào mới thực sự đáp ứng thị hiếu của mình. Ba la mật là những việc thiện được thực hiện với lý tưởng cầu giải thoát. Ai trong nhiều đời quá khứ từng chán đời, từng sợ sanh tử rồi làm các điều lành mong giải thoát, những việc làm đó (việc lành làm với tâm nguyện cầu giải thoát) được gọi là ba la mật.

Vậy nếu đời trước mình có ba la mật nhiều thì bây giờ gặp được Tam bảo mình sẽ nhận được nhiều lợi lạc hơn người kém ba la mật hoặc ba la mật yếu. Nhớ nghe, cái này rất quan trọng.

Tôi nhắc lại lần nữa, quý vị chỉ cần tiếp xúc người nào đó trong chừng vài ngày các vị sẽ thấy, họ thích cái gì khi họ đến chùa, họ thích cái gì khi họ xem Kinh, họ chú ý cái gì khi họ nghe giảng. Bởi vì điều đó hoàn toàn tùy thuộc vào khuynh hướng tâm lý của họ. Cũng không cần tôi phải nói nhiều, các vị dò trong Kinh, các vị ngồi yên xếp bằng nhắm mắt là các vị thấy, khỏi giải thích thêm. Đó là thời Đức Phật, rõ ràng Ngài còn đó trước mặt họ đó, vậy mà có người chỉ thích làm cư sĩ thôi, thích hộ trì chư tăng thôi, không đi xuất gia. Rồi có người đi xuất gia rồi khoái học Tam tạng thôi. Khoái học Phật ngôn thuộc lòng bộ này qua bộ kia, Kinh này qua Kinh nọ. Có người xuất gia rồi lại khoái lên rừng, ở cheo leo một mình ma thiêng nước độc, lam sơn chướng khí, trong khi Phật thì còn đó. Theo mình tưởng tượng nếu mình gặp Phật thì mình không có rời Ngài đâu. Suốt đời mình đi theo Ngài. Ngài có đuổi mình cũng mình đi xa xa chớ không bỏ Ngài được. Nhưng mà có người đành lòng gặp Phật, xuất gia theo Phật, tưởng sao, xin Phật cho một câu gì đó xong lên rừng ở rồi chết luôn ở trên. Mà trường hợp này nhiều lắm! Rồi có người gặp Phật rồi, xuất gia rồi lại khoái làm Pháp sư. Có vị khoái làm Luật sư. Có vị muốn lên rừng làm đầu đà sư. Có vị lại vừa tu cho mình lại cũng muốn có đệ tử. Có vị lại muốn một mình mình cả đời không có đệ tử nào hết, như ngài Bakkula. Người ta đến quỳ dưới chân ngài, chỉ xin ngài ngồi yên đó thôi đừng nhưc nhích gì, ‘Ngài chỉ chứng minh cho con, làm thầy bổn sư cho con’, mà cũng không thêm làm. Ngài không hề muốn có đệ tử tăng tục, sống đến 160 tuổi, viên tịch theo cách xá lợi tự mất. Cả đời ngài không có bệnh. Cả đời ngài cũng không nhận thức ăn đặc biệt từ một thí chủ nào hết. Ngài cứ ôm bát nhà nhà ngài ghé, củ khoai củ chuối miếng bánh thì ngài về ngài sống. Không hề có một người nào cúng dường cho ngài trọn vẹn mà ngài chỉ nhận một ít thôi, nhà nhà nhận một ít, cả đời vậy, 80 năm. Khi 80 tuổi ngài mới đi xuất gia, đặc biệt xuất gia được 7 hôm thì ngài chứng quả La hán. Từ đó ngài không có nhận đệ tử. Cứ vậy cho đến khi 160 tuổi, một buổi chiều ngài họp chư tăng lại ngài nói khuya nay tôi đi. Ngài xin từ già anh em, trong suốt thời gian ở đây có cái gì làm phiền sám hối hết. Tới lúc ngài viên tịch ngài xếp bằng nhập đề mục Hỏa giới tam muội, chú nguyện rằng ‘Khi nào tâm tử tâm viên tịch xuất hiện thì xin lửa tự phát cháy, tự hỏa thiêu di hài của ta và không để lại một dấu vết nào hết’. Ngài chú nguyện xong thì trong vòng 2 giây rưỡi đồng hồ là ngài viên tịch. Ngài tịch xong thì lửa tự phát cháy và không để lại dấu vết. Nói chung cả đời ngài không để lại một dấu vết nào hết.

Bữa hôm có người đọc quyển ‘Chuyện phiếm thầy tu’ của chúng tôi họ hỏi trong đó có bài ‘Kỷ vật nào cho em’ thì bài đó tôi có nói đến một chuyện là trong đời này có hai hạng người: đệ nhất hiền giả và đệ nhị hiền giả. Trong đó tôi viết theo kiểu cà rờn chỉ nói đệ nhị thôi. Tôi nói mình sống ở đời mà khi mình ra đi không để lại dấu vết gì tai hại cho đời sau thì đó là đệ nhị hiền giả. Rồi có người hỏi vậy đệ nhất là sao. Thì tôi nói đúng ra quý vị tự đoán. Người mà đi không để lại gì xấu cũng không để lại gì tốt cho đời đó là đệ nhị hiền giả. Còn đệ nhất đây có nghĩa là đi, chẳng những không để lại cái xấu mà còn để lại cái tốt thì đó là đệ nhất.

Chỉ có đời sống một bậc Thánh mới thật sự là không để lại cái xấu. Còn phàm phu, cho dù là sống dễ thương cách mấy, sống đẹp cách mấy, nhưng chỉ cần mình còn là phàm phu, thì sự có mặt của một người phàm lúc vui lúc buồn cũng là một cái để cho người khác nhìn. Thí dụ tôi là một người cư sĩ, một ông già từ hồi nhỏ tôi sống một mình 90 năm không vợ con gì hết. Tôi dành dụm một số tiền tôi về ở một ngôi làng, một góc phố nào trong một căn nhà tôi thấy yếu quá, thì tôi vô bệnh viện một hai bữa rồi tôi chết luôn, hoặc là tôi chết tại nhà. Trong suốt thời gian đó tôi không gây thù gây oán nợ nần, không làm gì tai tiếng hết. Nếu nói theo kiểu thế gian thì tôi đi tôi không để lại cái xấu. Nhưng mà không! Tôi có để lại cái xấu, đó là tôi để lại tấm gương: có nhiều người họ nhìn kiểu sống tôi họ thích. Như vậy cũng không được. Họ thích kiểu sống của một người độc thân suốt đời, thì cái đó không được. Đó cũng là một cách để lại, mà theo tinh thần Phật Pháp cái mà mình ĐỂ LẠI TỐT NHẤT CHO ĐỜI ĐÓ LÀ HÌNH ẢNH GIẢI THOÁT. Đó là cái để lại đẹp nhất. Mà anh để lại bất cứ hình ảnh nào mà nó gợi ý cho người ta về sự sanh tử, cho dầu đó là nếp sống đẹp nhưng nó vẫn là một gợi ý sanh tử. Cái này nhiều người không học Đạo để hiểu làm.

Cách đây khoảng 20 năm tôi có một buổi giảng ở Côn Phụng Bến Tre. Tôi nói về thiện ác, thì có một ông cụ năm đó tám mấy tuổi rồi. Ông khoe với tôi, ông nói: “Tui nghe giảng vậy cũng vui vì tui năm nay tám mấy tuổi rồi, cả đời tui coi như không có làm gì ác hết. Hồi nhỏ chỉ có ruộng nương theo ba má. Rồi lớn lên lấy vợ đẻ con rồi tiếp tục ruộng nương nữa. Không có đâm heo thuốc chó, đốt nhà, cướp của giết người, không gây thù chuốc oán ai hết tui cũng vui quá. Coi như đời này tui đã không làm ác”. Thì tôi thấy ông đang sung quá tôi im luôn. Chớ hông lẽ giờ mình nói thiệt là “Dạ thưa cụ, ác có 3 kiểu: thân làm ác, khẩu nói ác, còn ý ác nữa. Cụ khoái câu cá, hoặc cụ thấy người ta bị khổ mà cụ thấy vui thì cũng là ác rồi. Chớ không cần đâm heo thuốc chó mới gọi là ác”. Thấy người ta đang hứng chí, với lại người ta nghĩ vậy cũng được 5/10 rồi thì thôi.

Tôi trở lại bài. Đế Thích thừa với Phật là Thế Tôn ra đời đã khiến cho thiên giới của con được hưng thịnh và cảnh giới của A tu la bị thoái giảm. Tuy nhiên có một số người biết được Phật Pháp rồi nhưng không có được ân triêm lợi lạc như người khác. Bởi vì sức người có hạn, lực bất tòng tâm, nhiều khi muốn tu học hơn nữa mà không được. Có biết bao nhiêu người kể cả tăng ni cạo tóc đắp y, nhưng khi đi vào đạo rồi thì lý tưởng sống của họ không liên hệ gì tới Pháp học Pháp hành. Họ lại đi chăm lo một chuyện khác mà họ lại thấy cái đó là cái hay. Thì tùy vào cái ba la mật của mình mà mình nhận được gì từ Phật Pháp. Đó là đoạn số 10.

Từ đoạn số 12 trở đi là bài kệ của thiên tử Gobakka . Đế Thích kể lại câu kệ của thiên tử Gobakka. Ông này hồi ở dưới trần là một người con gái trong dòng họ Thích Ca. Nhưng vì ông nhầm chán thân nữ, Chánh Kinh ghi rõ ông từ bỏ tâm niệm nữ nhân, trau dồi ý chí nam nhân, cộng với các công đức bố thí, trì giới cho nên khi mất rồi nàng chuyển thành chàng. Đây là một trong những chỗ hiếm hoi nói về những chi tiết liên quan Phật Độc Giác.

Đó giờ mình nghe giảng hay đọc Kinh mình biết Chánh Đẳng Giác chắc chắn là người nam. Chuyện luân vương bắt buộc phải là người nam, Ác ma thiên tử, Đế Thích bắt buộc phải là người nam. Trên Phạm thiên không có nam nữ giới tính nhưng tất cả hình dáng đều là người nam. Còn Độc Giác thì sao? Tôi không có thấy chỗ nào xác định nhưng tôi chỉ khẳng định một điều Độc Giác không thể là nữ. Vì sao? – Là vì mình thấy những quả vị như Thiên vương Đế Thích, Ác ma thiên tử, Chuyện luân vương mà không là nữ thì làm sao Độc giác là nữ được. Thứ hai, cái ba la mật nào đã tạo nên quả vị Độc Giác thì ngay bản thân ba la mật đó đã đi ngược lại cái nữ tính, đã phủ nhận cái nữ tính từ lâu người ta mới chứng được Độc Giác. Nói vậy thôi đó là suy diễn. Nhưng hôm nay chính thức trong Kinh này xác nhận là Độc Giác bắt buộc phải là nam nhân. Bà con nhớ nếu mai một tôi có hỏi Kinh nào thì bà con nói Sớ giải Kinh Đế Thích vấn đạo (Trường Bộ).

Sẵn đây tôi nói luôn Độc Giác là sao? – Trong đời này có vô lượng chúng sinh, nhưng khuynh hướng chỉ có 4 thời:

- Một, đời đời muốn sống chết buồn vui trong 5 dục. Đó là hạng chúng sanh Dục giới.
- Thứ hai, chán đời sống dục cảm mà muốn thiên định. Nhưng thiên định của người này còn liên hệ vật chất. Như muốn tu thiên là để sanh về cõi nào đó cũng có trăng, sao, hoa lá, hồ nước, hoa viên. Mặc dù lòng không thích hưởng thụ 5 dục nhưng đề mục tu thiên vẫn là vật chất, vẫn muốn sanh về cõi nào đó có chỗ ở hẳn hoi, cụ thể chứ không phải mơ mơ hồ hồ. Hạng này muốn tu thiên nhưng vẫn còn muốn hình danh sắc tướng. Đó là hạng chúng sanh Sắc giới.
- Hạng thứ ba, họ cũng thích thiên định nhưng họ chán luôn cả hình danh sắc tướng. Họ không thích về ngoài vật chất nữa, họ tu thiên Vô sắc và trở thành Phạm thiên Vô sắc.
- Hạng thứ tư, họ nhằm chán mọi hình thức hiện hữu. Họ thấy rằng dầu sanh về cảnh giới nào đi nữa thì trước sau nó chỉ là cái vòng luẩn quẩn quanh. Sanh về cõi Vô sắc cao nhất là Phi tướng phi phi tướng, 84.000 đại kiếp tướng sao hết tuổi thọ lại lọt xuống cõi Dục, cũng tiếp tục nẻo cũ đường xưa: sa đọa, đau khổ, bất thiện, tiếp tục cái vòng quay mới. Nên lời ra hạng thứ tư này là không muốn sanh tử nữa.

Hạng thứ tư này chia ba trường hợp. Họ làm các công đức và nguyện ngay khi nào duyên chín muồi thì tôi sẽ thành Phật với một sự giúp đỡ của ai đó. Hạng này gọi là Thịnh Văn Giác.

Trường hợp thứ hai, chán khổ lắm và muốn tự mình tìm đường giải thoát. Nghĩa là lúc nào duyên chín muồi thì tôi giải thoát không cần thầy gì hết, cũng không muốn làm thầy ai hết gọi là Độc Giác: Paccekabuddha (pati + eka = pacceka).

Trường hợp thứ ba, Toàn Giác là trên không có thầy, muốn tự mình tìm Đạo nhưng dưới thì sẵn lòng cứu mang vô lượng đệ tử.

Trong ba trường hợp này các vị thấy hạng thứ ba Toàn Giác là khó nhất. Vì sao gọi là khó? – Vì nếu mình cầu Đạo giải thoát cho riêng mình thì mình không cần trang bị nhiều như vậy. Nhưng chính vì muốn làm thầy cho người khác nữa cho nên vị này phải trang bị rất nhiều thứ. Đặc biệt trong đó là Nhất thiết trí, nghĩa là cái gì Ngài cũng biết. Tại sao cái gì ngài cũng biết? – Là bởi vì khi ngài gặp chúng sanh nào nhìn họ biết họ muốn cái gì. Rồi ngài còn nhớ ba đời tám kiếp ngày xưa ngày xưa người này đã gieo duyên lành gì, và hôm nay người đó thích hợp nghe cái gì.

Độc Giác và Thịnh Văn có thể biết được kiếp trước người khác nhưng sàng lọc trong núi quá khứ đó để tìm ra ‘tử huyệt’ để thuyết Pháp cho họ đắc quả thì Độc Giác và Thịnh Văn không có khả năng. Nhưng vị Chánh Đẳng Giác thì chỉ liếc qua một cái, chỉ nói một câu thôi là đủ rồi.

Tiếp theo, đoạn 13. Rồi Thế Tôn suy nghĩ đã lâu Đế Thích sống đời trong sạch, thì nay Đế Thích hỏi gì ta sẽ trả lời cái đó. Tôi ôn lại sợ bà con quên, là hôm nay Đế Thích xuống không phải chỉ để cầu Pháp mà vì Đế Thích biết mình sắp mất rồi. Cái chết cận kề rồi nên mới xuống hầu Phật. Chú giải nói: “Đã lâu Sakka này sống đời trong sạch”. Trong sạch là sao? – Đế Thích là vua cõi Đạo Lợi, vị này mất thì vị khác thay thế. Nhưng có trường hợp nếu vị Đế Thích vừa mất có đủ phước để trở lại thì không cần người khác. Nếu vị đó không còn đủ phước để trở lại thì lập tức, tự nhiên (luật vũ trụ) trong cõi Đạo Lợi sẽ có nhân vật số 2 ở vào vị trí đó.

Chú giải nói kiếp trước khi làm Đế Thích thì Đế Thích hiện tại là chàng thanh niên tên Bakha. Ông là người dân nông thôn, tự nhiên bữa đó ngồi trong xóm nhìn mặt trời ông nghĩ trời đất bao la vậy mà chỉ cần mặt trời mất tiêu thì người ta lấy gì sống! Rồi mặt trăng nữa chứ. Những đêm có trăng thấy sạch sẽ sáng sủa, thơ mộng, đêm không có thì tối thui sợ muốn chết. Ông suy nghĩ tiếp: mặt trăng mặt trời như vậy không có thì người ta sống không nổi, nhưng chắc chắn những cái này phải có người chưởng quản chớ. Người đó chắc chắn phải là người có nhiều phước báo. Cũng như tất cả Bồ tát Chánh Đẳng Giác đều có điểm bắt đầu giống nhau ở chỗ, các ngài nghĩ đời này cái gì cũng có cặp hột: đen trắng, sáng tối, mập ốm, cao thấp, tốt xấu, sạch dơ, nam nữ, ngày đêm, nóng lạnh, dài ngắn ... Nếu cuộc đời này là biển khổ thì nó phải có cái không khổ chứ. Nên mình làm công đức để hướng tới cái không khổ đó, dù ngài chưa biết cái không khổ đó là cái gì.

Ở đây cũng vậy, ông này ông nhìn mặt trời ông suy nghĩ nếu không có nó người ta chết hết. Nếu vũ trụ này hay như vậy thì chắc phải có người điều hành cai quản nó. Mà người đó chắc chắn phải là người nhiều phước báo. Ông nghĩ vậy nên ông bắt đầu làm phước, mong sau này nắm giữ cần khôn.

Ông nghĩ CÔNG ĐỨC LÀ LÀM VIỆC GÌ MÀ KHIẾN MÌNH VÀ NGƯỜI KHÁC ĐƯỢC VUI VỀ MỘT CÁCH AN TOÀN VÀ LÀNH MẠNH. Từ suy nghĩ đó ngài làm những chuyện mà tưởng ngài không. Đó là đi trên đường thấy chỗ nào hầm hố, chông gai sinh lầy là ngài dọn dẹp cho nó bằng phẳng, sạch sẽ. Nhiều người thấy ngài làm vậy cũng nhào vô làm thành một nhóm., thành một nhóm thiện nguyện làm việc xã hội.

Ngài sống trong một xã hội đa thê ngài có 4 vợ. Trong đó 3 cô ủng hộ chồng hết mình từ việc nhỏ dần tới việc lớn. Sửa đường, làm đường, xây tiểu đình (nhà mát) cho bà con ngồi nghỉ chân, hốt thuốc ...qui mô càng lớn dần nên có mấy người ghét báo vua nói đám này phản động. Vua cho bắt về không điều tra gì hết mà cho voi giầy, giẫm, chà đạp (Pali: maddati). Ông Sakka này suy nghĩ nếu việc của tui làm tầm bậy thì tui chết tui không oán than, nhưng nếu nó là công đức thực sự thì mấy con voi phải đồng cảm với chúng tôi. Ngài chủ nguyện vậy thì đám voi tới chỉ nhìn nhìn rồi bỏ đi. Nhiều lần vậy cuối cùng người ta báo lên vua. Vua kêu vô hỏi các người có bùa chú phù phép gì hay không. Bakha nói ‘Dạ có một loại bùa duy nhất thôi. Đó là tôi chủ trương sống luôn làm người khác vui về an toàn lành mạnh’. Vua nghe vậy thương không phạt mà còn ban thưởng, khích lệ họ tiếp tục làm thiện.

Trong 4 cô vợ của thanh niên Bakha (tiền thân Đế Thích) có 3 cô hỗ trợ chồng làm thiện. Còn một cô là Sujata suốt ngày phấn son nữ trang không biết tạo công đức, nên khi thanh niên Bakha cùng 3 cô vợ và nhóm bạn 33 người chết sanh về trời hết, thanh niên Bakha làm thiên chủ Đế Thích, còn những người kia làm thiên tử, đại lực tiên ông, ba cô vợ làm ba thiên hậu của Đế Thích. Đế Thích nhìn lại kiếp sống trước không thấy cô vợ thứ tư (dĩ nhiên chuyện này tôi kể cũng ngại vì nó hơi phong thần). Đế Thích quán xét thấy bà vợ đó bị đọa làm một con cò bên bờ biển. Ngài chạnh lòng thương, dùng thần thông tạo nhịp cầu cảm thông nói cho bà hiểu ngày xưa không tu giờ phải như vậy. Đồng thời hướng dẫn con cò nguyện từ hôm nay giữ giới không gần cò đực, không bắt cá sống, phải giữ Bát quan. Con cò nghe hiểu và chấp nhận, phát nguyện giữ giới theo hướng dẫn của Đế Thích. Mấy ngày sau Đế Thích xuất hiện, giả làm con cá sống nằm gần mé nước. Cò đi tới vừa chạm mỏ vô thì con cá giãy. Cò suy nghĩ cá này còn sống mình thọ giới rồi nên không ăn. Đế Thích biết chính xác là con cò đã giữ giới nghiêm. Một thời gian sau cò nhịn ăn chết về trời làm bà thiên hậu thứ tư của Đế Thích. Kể từ lúc cô vợ thứ tư này về trời Đế Thích có thêm một ngoại hiệu nữa. Xưa giờ gọi là Sakka nghĩa là người bố thí một cách trịnh trọng. Giờ có thêm tên là Sahassanetto (vì ngàn mắt), và tên nữa là Sujampati (chồng của Sujata).

Muốn làm Đế Thích phải hội đủ những đức tánh căn bản: hiếu kính cha mẹ, sống tôn trọng người trưởng thượng, kèm chế không nổi sân hận, cái gì mình có cho được thì cho.

Tiền bạc thì đem lại cho mình cảm giác (hưởng thụ vật chất từ tiền bạc), mà nếu ta biết cho ra tiền bạc mà thấy vui thì cũng là mình đang phát huy một tác dụng khác của tiền bạc. Nhiều người không hiểu chỗ này. Họ cứ tưởng hễ cho đi là mất. Cho đi tiền bạc, nhìn người khác vui họ cũng vui, đó là kiểu vui cao quý hơn nhưng cũng không phải dễ làm. Đế Thích là người biết vui kiểu vui đó. Nói tới công đức có người bỏ tiền ra là vì thương người. Có người bỏ tiền bạc và công sức, thời gian ra để cầu công đức cho mình đời sau được sung sướng vui vẻ. Có người bỏ thời gian, công sức, tiền bạc ra để cầu giải thoát. Đó là do ba trình độ khác nhau. Hạng đầu tiên là cầu hưởng thụ dục cảm. Hạng thứ hai là cầu phước quả nhân thiên. Hạng thứ ba là cầu giải thoát khỏi Tam giới.

Muốn trở thành Đế Thích còn phải là người luôn luôn nói lời từ ái. Vị đó luôn luôn tâm niệm rằng ‘Tôi chỉ nhìn người khác bằng tâm từ chứ không thể nào nhìn bằng tâm sân’. Cho nên vị đó không háy, nguýt, lườm, liếc. ‘Tôi chỉ có thể nói bằng tâm từ nên tôi không nói chằm biếm, chỉ trích, chửi rủa người khác, làm người khác bị đau, bị nhột, bị sốc’. Đó là ái ngữ, mắt không nhìn người khác bằng tâm bất thiện, miệng không nói người khác bằng tâm bất thiện.

Tuy nhiên vì những công đức của Đế Thích trong thuở tiền thân không liên hệ tới Tam bảo, cho nên khi về trời tuy ngồi vào ghế thiên vương nhưng lúc Phật ra đời có nhiều vị cư sĩ sau khi gặp Phật làm phước chứng Đạo họ về trời thì công đức liên hệ tới Tam Bảo lớn hơn công đức của Đế Thích. Cho nên Đế Thích làm vua nhưng đang đi trên đường tuy hư không bao la nhưng gặp vị khác phước nhiều hơn cũng tránh qua một bên. Vì Đế Thích tự hiểu rằng mình không thể nào đương đầu với một người phước nhiều hơn mình. Do vậy dẫn đến hệ lụy là làm vua mà không có thực quyền.

Trong Kinh nói chư thiên có điếm hay, khác hơn loài người là các vị đứng cạnh tôi các vị không biết rằng công đức tu hành của tôi nhiều hơn, hay bằng hay kém quý vị. Quý vị không biết, nhiều lắm quý vị chỉ nghĩ đây là ông sư, rồi thôi. Nhưng trên cõi trời thì không như vậy. Ở cõi trời người ta nhìn mình là biết ngay ông này hơn, kém mình như thế nào. Cho nên mang danh là Đế Thích nhưng cũng phải tránh đường các vị kia hoài. Một hôm Đế Thích suy nghĩ phải làm sao mình bổ sung công đức chứ không làm vua kiêu này hoài được. Đế Thích quan sát thấy hôm nay ngài Mahakassapa (ngài Đại Ca Diếp đầu đà) mới vừa xả Thiên diệt. Thí chủ cúng dường cho người xả Thiên diệt thì luôn nhận được hiện nghiệp, tức là quả báo trở trong vòng 7 ngày trở lại. Một là ngay lúc đó. Hai là trong vòng 7 ngày trở lại. Cho nên Đế Thích cùng bà Sujata hóa thành hai ông bà lão trong một xóm nghèo, ở trong một căn nhà xập xệ tồi tàn. Ngài Ca Diếp ôm bát từ từ bước tới thì có hai ông bà cụ lụm cùm chống gậy đi ra để bát. Nhưng làm sao qua được huệ nhãn của ngài. Ngài vừa nhìn thấy hai ông bà cụ là hỏi ngay hai người là ai. Thì họ nói thiệt con là thiên vương. Ngài Ca Diếp nói: “Ta cố ý đi vô xóm nghèo là để giúp mấy người nghèo. Còn hai ông bà có nghèo thiệt không mà vô đây. Đừng có lấy phần của người nghèo”. Đế Thích mới nói thiệt: “Thưa ngài, con được tiếng là thiên vương mà con đi trên đường con cứ tránh hoài, không làm việc gì được. Kể ra con là nghèo nhứt trong mấy ông Đế Thích. Con hứa chỉ xin một lần này thôi”. Ngài Ca Diếp nhận phần thực phẩm đó. Sau đó hai vợ chồng đánh lễ ngài về trời thì bây giờ đã không còn sợ kém ai nữa hết, do công đức cúng dường vị đại Thỉnh văn vừa xả thiên diệt.

Câu chuyện cho ta thấy ở đời không biết Đạo thì đấu với nhau về tiền bạc, về nhan sắc, nhưng theo tinh thần Phật Pháp thì muốn hơn ai thì phải là về công đức: tu tâm, tu tuệ và tu phước. Tu tâm là tu thiên chi, tu tuệ là tu thiên quán, tu phước là làm các việc bố thí, trì giới, cúng dường, phục vụ, cung kính... Nhiều Phật tử mạnh về tu tuệ nhưng thiếu tu phước, không nặng lắm về thập thiện cũng không được. Còn nếu nặng về thập thiện mà không tu Tứ niệm xứ cũng bậy. Cho nên phải có cả tu tuệ, tu tâm và tu phước.

Thế Tôn quán xét thấy Đế Thích đã sống cuộc đời trong sạch như vậy nên nói ‘Nay ta dành cơ hội cho Đế Thích muốn hỏi gì thì hỏi, ta sẽ giải thích cho nghe’.

Chánh Kinh ghi: Đế Thích nói: “Bạch Thế Tôn, vì sao tất cả chúng sanh trên đời này rắng lắm đi nữa cũng không cách nào thương nhau cho được. Mà cứ người này thù ghét người kia, người kia thù ghét người nọ mà cứ sống trong sự tương tranh, đấu đá từ đời này qua đời khác đến nỗi sự đấu đá tương tranh đó trở thành gần như thuộc tính căn bản của phàm phu ba đời mười phương. Ở đâu và lúc nào hề chúng sanh gặp nhau là trong vòng 3 giây là phải có tương tranh. Tại sao vậy?”

Đức Phật dạy: “Do bần xỉn và đố kỵ mà nhân thiên luôn tương tranh và đấu đá nhau”.

- Bần xỉn là không muốn mình bị mất gì.

- Đố kỵ là không muốn người khác được gì.

Do thương ghét mà có hai thứ đó.

Chú giải nói rõ bần xỉn (=bồn xén) có nhiều trường hợp. Quý vị không muốn đem vật chất chia sẻ cũng là bồn xén. Không muốn người khác ké mình về tiếng tăm (thương hiệu) cũng là bồn xén. Không muốn người ta vô ở chỗ của mình, không muốn người ta xài món đồ của mình cũng là bồn xén.

Chú giải nói chỉ có Tu đà hườn, bậc Sơ quả mới vĩnh viễn không còn bồn xén. Còn phàm phu thì dứt khoát phải còn bồn xỉn.

Hai tâm trạng bồn xỉn và đố kỵ từ đâu mà có? – Do thương và ghét. Mình thích (thương) vật nào đó thì mình không muốn nó về tay người khác.

Đố kỵ (ghen tỵ) cũng do hai nhân: thương hoặc ghét. Mình thương người đó quá mà thấy người đó đi với người khác, vui vẻ với người khác thì mình chịu không nổi. Đó là đố kỵ do thương.

Đố kỵ do ghét, như cái thằng đó mình ghét nó quá mà tại sao nó học quá sức giỏi, nó làm ăn thành tựu như ý luôn, cái gì nó muốn cũng được. Mình ghét nó quá mà tại sao nó được như vậy!

Đế Thích hỏi tiếp: “Thương ghét do đâu mà có?”. Trả lời: “Thương ghét do dục mà có”.

Dục (chando) đây là ý muốn. Dục có 5:

- Ý muốn trong việc kiếm tìm.

- Ý muốn trong lúc thù đắc.

- Ý muốn trong việc hưởng thụ.
- Ý muốn trong việc tích trữ.
- Ý muốn trong việc phân phát, xử lý (sử dụng).

Nghĩa là trong 5 dục: sắc, thanh, khí, vị, xúc, những thứ mình nghe, ngửi, nếm, đụng ... Không học Kinh thì mình không ngờ đời sống vật chất mình có những rắc rối vô cùng. Thí dụ thấy người ta có chiếc xe mình cũng có ý muốn được có, vậy mình mới đi tìm. Cái giai đoạn đi tìm đó là mình đang sống trong cái muốn (dục).

Giai đoạn thứ hai: khi mình mua được chiếc xe thì lúc đó cái thích của mình qua giai đoạn hai: cái muốn của người đang thủ đắc.

Cái muốn thứ ba là cái muốn sử dụng: mỗi lần chạy là thấy khoái.

Tôi đang thí dụ chiếc xe nhưng tất cả 5 cảnh trần khác đều y chang như vậy: Kiếm tìm là 1 giai đoạn. Sở hữu được là một giai đoạn. Sử dụng là 1 giai đoạn. Bảo trì là 1 giai đoạn. Lúc đem ra sử dụng với người khác cũng là giai đoạn. Tức là suốt trong quá trình hưởng dục giai đoạn nào chúng ta cũng sống trong cái muốn, và luôn luôn sống trong cái muốn.

Chinh vì luôn sống trong 5 dục với những cái muốn này, nên phàm phu mới nảy sinh ý niệm thương thích ghét sợ. Nhiều lần tôi cũng đã nói, vị Thánh A na hàm không còn thích dục trần nữa nên cũng không còn tâm sân, tức không còn thương ghét. Còn thích 5 trần mới còn thương ghét người này vật nọ cảnh kia. Cái này quý vị phải học thuộc lòng. (Hiểu đã đành nhưng phải học thuộc lòng):

“CÒN THÍCH 5 TRẦN MỚI CÒN THƯƠNG GHÉT NGƯỜI NÀY, VẬT NỌ, CẢNH KIA”.

Tiếp theo, dục này do đâu mà có? – Năm thứ dục vừa kể đều xuất phát từ TÀ TƯ DUY (micchavittakka = Tà Tâm).

Tà tư duy ở đây nói gọn là tham ái & tà kiến. Nói rộng là Dục tư duy, Sân tư duy và Hại tư duy.

Bữa này là dịp cho bà con thấy ra một chuyện: đó là trong các phiền não thì tâm sân nó không đáng sợ. Bởi nó không phải là nhân sanh luân hồi. Có nó hay không có nó người ta vẫn luân hồi. Cái ‘ái’ mới là nhân luân hồi. Còn ái thì còn luân hồi. Tâm sân, thấy đâm cha chém chú, máu lửa ngát trời, chinh chiến can qua tùm lum nhưng riêng tâm sân không phải là nguyên nhân sanh tử, mà tâm tham mới là gốc. Nên đây là lý do tại sao có nhiều chỗ quý vị thấy Đức Phật kể phiền não Ngài không kể tâm sân. Ngài kể ái, mạn, kiến, nghi. Thịnh thoảng khi nào cần lắm ngài mới nhắc tới tâm sân. Thường Ngài nhắc là ái, kiến, hoặc ái, mạn, kiến, hoặc thêm nữa là ái, mạn, kiến, nghi (hoài nghi). Nhưng cái chánh vẫn là ái và kiến. Có chỗ Ngài nói ái và vô minh, nhưng lúc nào anh ái cũng dẫn đầu.

Cho nên người không còn tha thiết trong 5 dục thì không còn thương ghét. 5 dục (ý muốn = ‘chanda’) đó từ đâu nó ra? – ra từ Tà tư duy. Tà tư duy đây Chú giải nói gọn là ÁI & TÀ KIẾN. Hiểu rõ ráo ‘ái’ là thích cái này cái kia. Mà tất cả cái thích đều là Khổ Đé. Bất cứ cái thích nào cũng là Tập đé. Vậy Tập đé chính là thích trong Khổ đé.

‘Kiến’ là do tà kiến chấp một cái ‘tôi’ thường hằng vĩnh cửu (thường kiến), hoặc chấp không có cái ‘tôi’ chết rồi là hết (đoạn kiến). Chính cái chấp tà kiến này nuôi dưỡng tham ái của phàm phu. Còn bậc thánh hữu học thì không còn tà kiến, chỉ còn tham ái của thánh hữu học thôi, mà tham ái đó có cho vui chớ không đáng kể. Bởi vì tầng thánh thấp như Tu đà hườn chỉ đi tối đa 7 kiếp nữa thôi, nên đối với tôi (Giác Nguyên) tầng sơ quả cũng coi như Niết bàn rồi, có điều bánh xe họ chưa dừng hẳn, chỉ đi thêm mấy tour nữa thôi. Tất cả đã đi vào quỹ đạo, đi vào dòng chảy rồi, nước đã vào ống, không còn đường khác.

Như vậy thương ghét ở đời do Dục. Dục thì do hai tà tư duy. Tà tư duy thì từ ‘papanca’ (chữ này ngài Minh Châu dịch là hý luận, nhưng tôi không muốn dịch, hơi phân vân). Tôi định nghĩa cho bà con nghe, chữ ‘papanca’ là ‘chướng ngại’.

Papanca gồm 3 phiền não: ái, mạn, kiến.

Tà tư duy đây ám chỉ cho ái & kiến. Mà ái & kiến lúc này lại do chính ái và kiến trước đây tạo nên. Các vị nghe kịp không? – Tức bây giờ tôi còn là phàm, chưa phải là thánh. Thì chính tham ái, kiêu mạn, tà kiến của tôi bây giờ (là 10g20) một lát nữa đây tôi thích cái này tôi thích cái kia, tôi ghét người này tôi ghét người nọ. Như vậy chính cái phiền não lúc này nó lại hỗ trợ cho cái phiền não

lúc sau. Nếu lúc 11g mà tôi vẫn tiếp tục là phàm thì quý vị hiểu ngầm là tới 11g20, 11g45 tôi tiếp tục thương cái này ghét cái kia nữa. Cho nên ái mạn kiến chính lại là duyên cho ái mạn kiến.

Tiếp theo, vua trời Đế Thích hỏi Đức Phật: “Làm sao bỏ được ái, mạn, kiến?” Phật dạy: “Phải biết sống phân biệt cái gì nên và không nên trong đời sống vật chất và tinh thần”. Tôi nhớ đã nhiều và rất nhiều lần tôi nói với bà con, Kinh điển thì rất nhiều nhưng toàn bộ Kinh Phật gom gọn lại chỉ có hai điều cần nhớ thôi. Đó là:

CHUYỆN GÌ NÊN LÀM VÀ CHUYỆN GÌ KHÔNG NÊN LÀM.

Cái gì nên làm thì mình thực hiện. Cái gì không nên làm thì mình kiêng tránh. Căn bản Đạo Phật chỉ có hai chuyện đó.

Đức Phật Ngài dạy: “Trong mấy mươi năm trụ thế hoàng Đạo, ta chỉ có dạy hai điều thôi. Ta nói rõ cho các người biết cái gì trên đời này là khổ. Điều thứ hai là làm sao để lìa bỏ cuộc đời đau khổ này (khổ và con đường thoát khổ). Và con đường đó chỉ gói gọn trong 2 điều: chuyện gì nên làm và chuyện gì không nên làm.

Chuyện gì nên làm? – Chuyện gì mà nó khiến cho thiện pháp được tăng trưởng, ác pháp bị suy giảm thì đó là chuyện nên làm.

Chuyện gì nó khiến cho ác pháp tăng trưởng mà thiện pháp bị sụt giảm thì chuyện đó không nên làm. Dầu đó là một hành động, một cử chỉ, một câu nói hay một dòng suy tưởng chớp nhoáng qua đầu, mà hễ nó là nguyên nhân, là điều kiện hỗ trợ cho ác pháp thì bản thân nó là bất thiện.

Còn nếu nó là điều kiện, là nhân duyên, là sự hỗ trợ cho thiện pháp phát triển thì đó là điều cần và điều thiện.

Cho nên ở đây Đế Thích hỏi Thế Tôn làm sao diệt trừ ái mạn kiến thì Đức Phật ngài dạy rằng phải biết sống có sự lựa chọn trong đời sống vật chất và tinh thần. ‘Tinh thần’ ở đây là biết rõ cảm giác nào nên có và nên tránh’. Nói trên lý thuyết thiền định thì tầng thiền càng ít chi thiền càng tốt vì càng xa 5 dục. Như Sơ thiền có đủ 5 chi thiền vì còn gần với dục. Các tầng thiền sau ít dần các chi thiền. Đến tầng Tứ thiền thì chỉ còn Xả và Định nên đương sự không còn khổ, lạc, thương, ghét nữa.

Bất thiện dĩ nhiên nên tránh, nhưng thiện thô thiển vẫn không sánh bằng thiện vi tế. Cảm giác nào liên hệ phiền não () thì nên tránh cảm giác nào hướng đến tinh thần xuất ly thì nên có.

Toàn bộ lời Phật in ra giấy mấy chục cuốn nhưng bài Kinh này thu ngắn lại. Nghĩa là thế giới này có tương tranh đấu đá là vì người ta có đồ kỵ và bunn xin. Đồ kỵ và bunn xin đó đi ra từ cái thương ghét. Mà cái thương ghét đi ra từ 5 kiểu dục. Năm kiểu dục thì đi ra từ tà tư duy. Tà tư duy đây chính là ái và kiến. Ái và kiến lại đi ra từ cái ái kiến trước đây. Ái mạn kiến bây giờ nó đi ra từ tà tư duy. Tà tư duy thì đi ra từ 3 cái chướng ngại, mà muốn tránh 3 chướng ngại này vị hành giả, người cầu Đạo giải thoát nói chung phải lưu tâm đến hai điều: đó là đời sống vật chất và tinh thần của mình có điểm nào liên hệ tới phiền não và điểm nào liên hệ tới sự xuất ly. Cụ thể:

- Chỗ ở nào mình càng ở mà phiền não càng nhiều, tham nhiều hơn, sân nhiều hơn thì chỗ ở đó **BẤT THIÊN**.

- Người nào mình càng thân cận thiện pháp càng phát triển mà phiền não giảm đi thì đó là **NGƯỜI TỐT**.

- Về cảm giác, có những lúc chúng ta sống rất vui nhưng chúng ta để ý cái vui đó có hỗ trợ cho đời sống tu tập tâm linh của mình hay không, hay những cái vui đó là những ngày hè vacation với gia đình với tình yêu với bạn bè thì cái vui đó thứ nhất là chóng tàn, thứ hai là sẽ để lại những vị đắng. Năm nay tôi 47 tuổi, chưa có gia đình nhưng tôi nghĩ với tuổi này cho phép tôi có một chút thẩm quyền, một chút tư cách để nói về chuyện đó. Có nghĩa là trong 47 năm ‘tang thương’ trong cuộc đời phù du này tôi thấy chỉ có cái vui trong **THIỆN PHÁP** là nó ngọt trước mắt nó ngọt sau lưng và nó ngọt dài dài về sau. Tất cả những niềm vui nào mà nó không liên hệ tới Phật Pháp thì nó chỉ ngọt trước mắt, sau đó nó đắng nó cay nó chua nó chát, nó hôi nó nồng nó khô về sau. Tôi không biết rằng trong room này có bao nhiêu phần trăm bà con đồng cảm với tôi, nhưng riêng tôi, tôi có thể nói theo kiểu ngoài đời là trước vong linh của mẹ tôi và trước điện tiền Tam Bảo tôi nghiêm túc xác nhận rằng tôi đã thực sự cảm nhận như vậy. Tôi đã có kinh nghiệm bằng vàng như vậy: **TẤT CẢ NIỀM VUI NÀO MÀ KHÔNG LIÊN HỆ ĐẾN THIÊN PHÁP THÌ SỚM MUỘN NÓ ĐỂ LẠI VỊ**

ĐĂNG. Hoặc nhẹ nhàng nhút, nó để lại một sự ê chề, một sự ngao ngán, một sự ngán ngẫm, tê nhạt, vô vị đến mức chịu không nổi. Nó giống như một buổi tiệc tàn với một đồng nôn mưa vậy đó. Đó là tôi đang nói đến niềm vui, tôi chưa nói đến các cảm giác khác, các nỗi khổ niềm đau, nghe. Cho nên gom gọn lại thế giới này có tương tranh bởi vì có thương ghét. Thương ghét thì đi ra từ 5 dục. Năm dục đi ra từ ái mạn kiến. Mà muốn giải quyết ái mạn kiến này anh phải bảo đảm anh đang sống trong điều kiện sống tinh thần đang ra sao, anh đang sống trong đời sống vật chất như thế nào. Có nghĩa những người anh đang chơi, đang thân cận, ở gần, giao thiệp, liên lạc, đang quan hệ những người đó đang ra sao. Những sách báo nào, trang web nào, room, paltalk nào anh đang nghe đang đọc mỗi ngày. Những email, facebook nào quý vị thường lên đó tán gẫu, hạp mặt ... Để ý những cái đó! Coi cái nào liên hệ tới Phật Pháp, cái nào chỉ liên hệ đến thị dục, thị hiếu của mình, những sự quan sát này (để ý xem mình đang sống ra sao, sống với cái gì), chính sự để ý này giúp cho **ÁI MẠN KIẾN CỦA MÌNH NGÀY MỘT MỎNG ĐI, MỘT MÒN HAO ĐI**. Mà những thứ đó mỏng đi mòn đi thì mình sẽ được an lạc, sạch sẽ hơn. Đống rác mình dẹp càng sớm thì chỗ ở mình càng vệ sinh, càng an toàn, thông thoáng, càng dễ thở hơn. Bữa nay giảng tới đây thôi. Còn đoạn sau dài thăm thẳm để sau. Bữa hôm tôi có hứa bài Kinh này giảng nhanh là sao? – Là toàn những đề tài bà con nghe biết rồi hết rồi, mình chỉ ôn lại thôi. Ok, hẹn lại bà con sáng mai cũng giờ cũ, 9g Florida. Ngay lúc này có ai mà nấu cơm thì tôi giảng thêm tí nữa. Chúc các vị một đêm vui một ngày vui./.

**XIN LƯU Ý:
ĐÂY CHỈ LÀ BẢN CHÉP NHÁP
CHƯA ĐƯỢC SỬ GIÁC NGUYÊN HIỆU ĐỈNH.
QUÝ PHẬT TỬ TẠM THỜI CÓ THỂ DÙNG LÀM
TÀI LIỆU NGHIÊN CỨU CHO RIÊNG MÌNH.
XIN TRÁNH IN ẤN PHỔ BIẾN.**

www.toaikhanh.com